

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 12- 7- 2021.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Đào.

Bà Lâm Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số 233 ấp H, xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Tạ Văn K, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 82 ấp T, xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về ly hôn ngày 26 tháng 01 năm 2021, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T trình bày: Bà Nguyễn Hồng T và ông Tạ Văn K kết hôn vào năm 2011, đến ngày 26/6/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, bà T và ông K sống hạnh phúc được 07 năm, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc, bà T và ông K không còn sống chung kể từ năm 2019 đến nay. Bà T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tạ Văn K.

- Về con chung: Bà Nguyễn Hồng T và ông Tạ Văn K có một người con chung tên Tạ Trường Th, sinh ngày 03/11/2012, con chung hiện nay đang sống với ông Tạ Văn K. Bà T đồng ý giao con chung cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Hồng T không cấp cường nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Tạ Văn K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Tạ Văn K theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông K không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 3 năm 2021: Con chung từ đủ 07 tuổi trở lên là cháu Tạ Trường Th trình bày ý kiến là khi cha cháu ông Tạ Văn K và mẹ cháu bà Nguyễn Hồng T ly hôn, cháu Th có nguyện vọng sống với cha.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Tạ Văn K đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu

ly hôn của bà Nguyễn Hồng T; Về con chung: Giao cho ông Tạ Văn K được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Tạ Trường Th, sinh ngày 03/11/2012 đến khi đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Hồng T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Tạ Văn K đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[2] Bà Nguyễn Hồng T và ông Tạ Văn K kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng vào năm 2012, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73 ngày 26/6/2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Hồng T và ông Tạ Văn K là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho ông K về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 33/TB-TLVA ngày 09/02/2021, thông báo cho các đương sự để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa bà Nguyễn Hồng T và ông Tạ Văn K, nhưng ông K vẫn không đến Tòa án để tham gia hòa giải theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông K, vì kể từ năm 2019 đến nay bà T và ông K không còn chung sống, vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm nhau. Xét thấy, bà T và ông K không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa bà Nguyễn Hồng T và ông Tạ Văn K không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Hồng T.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Hồng T và ông Tạ Văn K có một người con chung tên Tạ Trường Th, sinh ngày 03/11/2012. Con chung hiện đang sống chung với ông Tạ Văn K. Bà T đồng ý giao con chung cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu Tạ Trường Th đang sống với ông K và tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2021 (BL 32) cháu Th có nguyện vọng được sống với cha. Xét nguyện vọng của cháu Th là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật, để đảm bảo không làm thay đổi môi trường sống quen thuộc và cuộc sống hiện tại của cháu Th, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho ông K được quyền

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Tạ Trường Th đến đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của cháu Th). Bà Nguyễn Hồng T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tạ Văn K không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng T được quyền ly hôn với ông Tạ Văn K.

- Về con chung: Giao cho ông Tạ Văn K được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Tạ Trường Th, sinh ngày 03/11/2012 đến khi Tạ Trường Th đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của cháu Th).

Bà Nguyễn Hồng T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tạ Văn K không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009187 ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Nguyễn Hồng T đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã H1, huyện X;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ